TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 19-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư kY phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư kY Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 224/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 1995; HKTT: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn F, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Y trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn F do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam vào ngày 23/3/2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng năm năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh F đã sống ly thân được ba năm nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh F được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh F có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến Nhi, sinh ngày 27/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Đăng Khoa, sinh ngày 13/3/2017, hiện nay hai con chung đang sống chung với anh F và ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu hai con chung giao cho anh F trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng do anh F không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị và anh F tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh F không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn F vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, cũng không cung cấp văn bản nêu Y kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư kY phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Y kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Y. Về hôn nhân: Chị Y được ly hôn với anh F. Về con chung: Chị Y và anh F có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến Nhi, sinh ngày 27/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Đăng Khoa, sinh ngày 13/3/2017. Sau khi ly hôn, hai con chung giao cho anh F trực tiếp nuôi, ghi nhận anh F không yêu cầu chị Y cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Y kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Y có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn F có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Nguyễn Văn F đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh F.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Y, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Y và anh F do quen biết tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/3/2015 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị Y và anh F phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Y xác định là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, chị và anh F đã sống ly thân một thời gian dài nhưng không thể hàn gắn, khắc phục được. Anh F đã được Toà án thông báo để tham gia phiên hoà giải nhưng anh không đến chứng tỏ anh F cũng không có thiện chí đoàn tụ. Đồng thời, anh F cũng không cung cấp văn bản nêu Y kiến hay phản đối lời trình bày của chị Y. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Y vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị Y và anh F đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Y được ly hôn với anh F.

[5] Xét về con chung: Chị Y và anh F có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến Nhi, sinh ngày 27/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Đăng Khoa, sinh ngày 13/3/2017, hiên đang sống chung với anh F. Xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, đồng thời có xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho anh F trực tiếp nuôi. Anh F không yêu cầu chị Y cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[6] Xét về tài sản chung: Chị Y và anh F không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị Y trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh F không đưa ra yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Y có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Y.

Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn F.

Về con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Yến Nhi, sinh ngày 27/7/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Đăng Khoa, sinh ngày 13/3/2017, giao cho anh F trực tiếp nuôi. Ghi nhân anh F không yêu cầu chị Y cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lY do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Y và anh F không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị Y trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh F không đưa ra yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Về án phí: Chị Y có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004624 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân